TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2020/HS-ST
Ngày 14- 05 -2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Gia Khánh và ông Vũ Đức Bính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2020/TLST- HS ngày 10 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn V; sinh năm 1973 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ Trần Thị H có ba con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005

Tiền án: 03 tiền án

+ Bản án số 03 ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000đ và 200.000đ án phí về tội "Đánh bạc". (Đánh bạc trên 5.000.000đ). Ngày 02/02/2017 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí

+ Bản án số 14 ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 03 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000đ và 200.000đ án phí về tội "Đánh bạc". (Đánh bạc trên 5.000.000đ). Tổng hợp hình phạt với Bản án số 03 ngày 19/01/2017 phải chấp hành 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/6/2017; ngày 02/10/2017 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

+ Bản án số 07 ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 07 tháng tù, phạt bổ sung 5.000.000đ và 200.000đ án phí về tội "Đánh bạc". (Đánh bạc trên 5.000.000đ). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2018; ngày 07/5/2018 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 09/02/2020 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Trịnh Văn T7; sinh năm 1975 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Hồng T (đã chết) và bà Phạm Thị C1(đã chết) ; có vợ Nguyễn Thị H2 có hai con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án: 01

- Bản án số 14 ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 7.000.000đ và 200.000 đồng án phí về tội "Đánh bạc". Ngày 03/2/2020 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

Tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/02/2020, chuyển tạm giam từ ngày 09/02/2020 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Ninh Bình. Ngày 17/3/2020 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam sang bảo lĩnh; có mặt.

3. Bùi Văn T2; sinh năm 1971 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T3 (đã chết) và bà Hà Thị Đ; có vợ Phạm Thị A có hai con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân:

- Bản án số 04 ngày 09/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, phạt bổ sung 3.000.000đ và 50.000đ án phí về tội "Đánh bạc". Đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo, ngày 03/8/2012 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Hồng P; sinh năm 1989 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khối 7, thị trấn B, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang V1 và bà Vũ Thị A1; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân: Bản án số 14 ngày 18/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 7.000.000đ và 200.000 đồng án phí về tội "Đánh bạc". Ngày 24/4/2017 chấp hành xong hình phạt tiền và án phí.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn T4; sinh năm 1986 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị S; Bị cáo có vợ là Vũ Thị T, có ba con con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019..

Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11 ngày 12/02/2018 của Đồn Công an thị trấn B, huyện K xử phạt 1.300.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". Ngày 12/02/2018 đã chấp hành xong.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Văn T6; sinh năm 1969 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT: Xóm 8, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị S; Bị cáo có vợ là Trần Thị H3, có hai con con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: không

Lịch sử bản thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 11 ngày 30/7/2017 của Đồn Công an thị trấn B, huyện K xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc". Ngày 30/7/2017 đã chấp hành xong.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Nguyễn Văn L; sinh năm 1975 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lương Thị S; Bị cáo có vợ là Hoàng Thị Y, có hai con con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người làm chứng:*Chị Nguyễn Thị H2- sinh năm 1982; trú tại: Xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi trưa ngày 06/2/2020, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T4 ăn cơm tại nhà Trịnh Văn T7 ở xóm 5, xã C, huyện K. Khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong cả T7, P, T4 thống nhất đánh bạc. Sau đó T7 lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân trên nóc tủ lạnh rồi 03 người đi lên tầng 3 và ngồi trên chiếu đã trải sẵn từ trước đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi "Liêng" đặt cược mỗi ván từ 10.000đ đến 100.000đ. Khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Văn V đến nhà T7 chơi, thấy mọi người đang đánh bạc nên xin chơi cùng thì cả nhóm đồng ý. Khoảng 10 phút sau, lần lượt Bùi Văn T2, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn T6 đến nhà T7 chơi, khi thấy mọi người đang đánh bạc nên cũng xin vào tham gia cùng.

Cả nhóm đánh bạc liên tục đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc tổng số tiền 12.420.000đ (gồm 110.000đ góp gà để ở giữa chiếu, 10.910.000đ trước mặt những người chơi và 1.400.000đ sau chỗ ngồi của T4), 01 bộ tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếu cói. Ngoài ra tạm giữ trên người các đối tượng tổng số tiền 11.370.000đ (trong đó T7 500.000đ, P 5.000.000đ, T2 5.870.000đ); 04 ví da màu nâu và 08 điện thoại di động các loại (01 điện thoại Samsung J6 màu vàng, 02 điện thoại Iphone 6 màu vàng, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại Oppo màu đen, 01 điện thoại Sasung J4 màu vàng, 01 điện thoại Samsung J3 màu vàng và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen). Qúa trình điều tra xác định số tiền 11.370.000đ thu trên người có 5.870.000đ của T2 sử dụng vào việc đánh bạc. Như vậy tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 18.290.000đ

Kết quả điều tra xác định các bị cáo sử dụng 18.290.000đ vào việc đánh bạc. gồm 12.420.000đ thu trên chiếu và số tiền 5.870.000đ thu trong người bị cáo Bùi Văn T2 và bị cáo xác định sử dụng số tiền đó sử dụng vào việc đánh bạc.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 08/04/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn V về tội đánh bạc theo quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L về tội đánh bạc theo khoản 1 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sư.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T7, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L phạm tội đánh bạc.

+ Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 39 (ba mươi chín) tháng tù đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 06 tháng 2 năm 2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn V 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

+ Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T7 từ 30 tháng cải tạo không giam giữ đến 36 tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 41 ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam bằng 123 ngày cải tạo không giam giữ. tương đương với 4 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 25 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ đến 31 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo T7 trong thời gian chấp hành hình phạt. Phạt bổ sung bị cáo Trịnh Văn T7 từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước,

Giao bị cáo Trịnh Văn T7 cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn T7 và bị cáo Nguyễn Hồng P. Bị cáo Bùi Văn T áp dụng thêm khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T7 từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P từ 35 triệu đồng đến 40 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn T6, NguyễnVăn T4, Nguyễn Văn L. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T6

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 từ 30 triệu đồng đến 35 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Xử phạt Nguyễn Văn L từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng đã thu giữ.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo V khai nhận mình sử dung 3.500.000đ vào việc đánh bạc. Bị cáo T7 khai trong người có 1.520.000đ mang theo người và sử dụng 1.020.000 đồng vào đánh bạc; bị cáo T2 khai sử dụng 6.870.000 đồng vào đánh bạc, bị cáo P khai trong người có 6.800.000đ và sử dụng số tiền 1.800.000đ vào việc đánh bạc còn 5.000.000đ không sử dụng vào việc đánh bạc; bị cáo T4 khai sử dụng 1.800.000đ vào việc đánh bạc, bì cáo L khai có 1.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Bị cáo T6 khai có 1.800.000đ sử dụng vào việc đánh đánh bạc.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L khai nhận: Buổi trưa ngày 06/2/2020 tại nhà Trịnh Văn T7 ở xóm 5, xã C, huyện K sau khi ăn

cơm xong các bị cáo đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi "Liêng" đặt cược mỗi ván từ 10.000đ đến 100.000đ. Quá trình chơi các bị cáo đánh liên tục từ khoảng từ 13 giờ đến 15 giờ 45 phút cùng ngày, thì bị Công an huyện K phát hiện bắt quả tang các bị cáo có hành vi đánh bạc với hình thức đánh liêng được thua bằng tiền với số tiền là 18.290.000 đồng đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 15 giờ 45 phút ngày 06/02/2020, tại nhà ở của Trịnh Văn T7 ở xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình Trịnh Văn T7, Nguyễn Văn V, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Văn L đã có hành vi "Đánh bạc" được thua bằng tiền bằng hình thức chơi "Liêng" với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 18.290.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Các bị cáo V, T7, T2, P, T6, L, T4 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây là vụ án đánh bạc có nhiều bị cáo tham gia nhưng là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước. Do đó cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng , giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T7 đang có tiền án về tội đánh bạc chưa được xoá án tích, mà lại phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo V, T2, P, T4, L, T6 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T7, V, P, T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T4, T6, L đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại các điểm i và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bố bị cáo Bùi Văn T2 là ông Bùi Văn T3 là thương binh loại A và được Nhà nước tặng huân huy chương hạng ba. Bố bị cáo Trịnh Văn T7 là ông Trịnh Hồng T1 được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến hạng ba. Do vậy các bị cáo T2 và T7 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T6 có vợ là chị Trần Thị H3 mắc bệnh hiểm nghèo chuẩn đoán K dạ dày và buồng trứng và được nhà nước trợ cấp xã hội hàng tháng, nên bị cáo là lao

động chính trong gia đình. Do vậy bị cáo T6 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân và vị trí, vai trò của các bị cáo:

Bị cáo Nguyễn Văn V có ba tiền án về tội đánh bạc, chưa được xóa án tích. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/ 2018/HSST ngày 05 tháng 2 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K xử phạt bị cáo 7 tháng tù giam và bị cáo đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm. Tháng 2 năm 2020 bị cáo lại tiếp tục phạm tội do vậy trong lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Mặc dù có nhiều tiền án và chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội với vai trò là người thực hành, tham gia tích cực. Điều đó thể hiện bị cáo là đối tượng khó giao dục và đam mê cơ bạc. Trong vụ án này bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 3.500.000 đồng. Do vậy bị cáo V phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án.

Đối với bị Trịnh Văn T7, bản thân bị cáo T7 đang có 1 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội với vai trò là chủ nhà. Bị cáo tham gia đánh từ đầu cho đến khi bị bắt quả tang với số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 1.020.000 đồng. Do vậy bị cáo T7 phải chịu mức hình phạt với vai trò thứ hai trong vụ án thấp hơn bị cáo V nhưng cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo T2 và P mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo T2 có số tiền nhiều nhất khi đánh bạc, bị cáo sử dụng 6.870.000đ vào việc đánh bạc, cả bị cáo T2 và P đều có nhân thân xấu do vậy bị cáo T2 và P có vai trò ngang nhau trong vụ án và thấp hơn bị cáo V và T7, cao hơn bị cáo T4, T6, L.

Các bị cáo T4, T6, L chưa có tiền án, tiền sự các bị cáo có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc ngang nhau bị cáo T6 có 1.800.000đ, bị cáo T4 có 1.800.000đ và bị cáo L có 1.500.000đ sử dụng vào việc đánh bạc. Nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án và thấp hơn các bị cáo khác.

[6] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo V số tiền đánh bạc là 3.500.000 bị cáo có nhiều tiền án chưa được xóa án tích, thể hiện bị cáo ham hố cờ bạc và khó giáo dục răn đe, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối bị cáo V là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Trịnh Văn T7 mặc dù có tham gia đánh bạc từ đầu nhưng trong vụ án này bị cáo T7 có số tiền tham gia đánh bạc ít nhất, bị cáo sử dụng 1.020.000đ vào việc đánh bạc, như vậy số tiền bị cáo đánh bạc là không lớn bản thân bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Bị cáo T7 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt có chính quyền địa phương xác nhận đề nghị Tòa án tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương. Nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành người công dân tốt.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Trịnh Văn T7 trong thời gian chấp hành án. Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trịnh Văn T7 là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T2, P, T4, T6, L có chỗ ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng; mức độ và tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội không lớn; các bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có đủ điều kiện áp dụng mức hình phạt chính bằng tiền đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo để lần sau không tái phạm nữa. Bị cáo T2 và P có vai trò ngang nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau thấp hơn V, T2 nhưng cao hơn bị cáo còn lại. Bị cáo T4, T6, L có vai trò ngang nhau trong vụ án nhưng áp dụng cho bị cáo T6, L có mức hình phạt thấp hơn bị cáo T4 và thấp nhất trong vụ án. Là có sự phân hóa vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án. Và cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 18.290.000đ do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói cũ đã không còn giá trị sử dụng do các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

- Số tiền thu giữ của bị cáo Nguyễn Hồng P là 5.000.000 đồng và của bị cáo Trịnh Văn T7 là 500.000đ. Số tiền này các bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc nay cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án

- 04 ví da màu nâu của các bị cáo T7, T2, T4, P, 01 điện thoại Samsung J6 màu vàng của bị cáo V, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng của bị cáo T2, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng của bị cáo T6, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen của bị cáo T4, 01 điện thoại Oppo màu đen của bị cáo P, 01 điện thoại Sasung J4 màu vàng của bị cáo T7, 01 điện thoại Samsung J3 màu vàng và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen của bị cáo L. Đối với các điện thoại di động các bị cáo không sử dụng để liên lạc với nhau đi đánh bạc; ví da là những tài sản thuộc quyền sở hữu, đồ dùng cá nhân của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện k, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L phạm tội đánh bạc.

+ Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V 39 (Ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo là ngày 06 tháng 2 năm 2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn V 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước,

+ Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 điểm h khoản 1 điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T7 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ đi 41 ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam quy đổi bằng 123 ngày cải tạo không giam giữ, tương đương với 4 tháng 3 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 25 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Trịnh Văn T7 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung bị cáo Trịnh Văn T7 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Bùi Văn T2 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1; Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1; Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T4 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2.Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.290.000 đồng (*Mười Tám triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng*) thu giữ của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói cũ đã qua sử dụng kích thước (1,6 x 1,8)m màu đỏ trắng đục các bị cáo sử dụng để đánh bạc

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng P số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*); một ví da màu nâu; 01điện thoại di động Oppo F11, màu đen. Số IMEL1: 866988040914938, số IMEL2: 866988040914920 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn T7 số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*); một ví da màu nâu; 01điện thoại di động Sam sung Galaxy J4 màu màu vàng số IMEL1: 353793100644403, số IMEL2: 353794100644401 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T2 một ví da màu nâu; 01điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số IMEL 359301069575560 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T4 một ví da màu nâu; 01điện thoại di động Nokia 105 màu đen số IMEL1: 357712106173932, số IMEL2: 357712108173930 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T6 01điện thoại di động Iphone 6 màu vàng số IMEL 354448068449969 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn L 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu đen số IMEL 353690055306832; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J3 màu vàng, IMEL1: 359929079649098, số IMEL2: 359930079649096 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V 01điện thoại di động Samsung Galaxy J6 màu vàng, số IMEL1:358465090683254, số IMEL2: 3584669090683252 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(*Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 4 năm 2020 và giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 10 tháng 4 năm 2020 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình*).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Nguyễn Văn V, Trịnh Văn T7, Bùi Văn T2, Nguyễn Hồng P, Nguyễn Văn T6, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai; các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/05/2020),

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Công an huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã C.
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Khanh